

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2025/LĐ-PT
Ngày: 05-9-2025
Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp
đồng lao động

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Ngọc Giàu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-LĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 16/2025/LĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3680/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 12821/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1968; địa chỉ: số G P, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số G P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hán Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ: số G, đường Đ, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là số G, đường Đ, khu phố A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2024 và ngày 11/02/2025); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn S, địa chỉ: Lô B-4A2-CN, đường D, Khu công nghiệp M, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là Lô B-4A2-CN, đường D, Khu công nghiệp M, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết M, chức vụ: Trưởng phòng Hành chính nhân sự; địa chỉ: số F, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 02/8/2025); có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Duy T là nguyên đơn.

4. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 14/01/2025 của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T (gọi tắt là ông T) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ông T vào làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty) từ tháng 01 năm 2017 đến ngày 11/10/2024. Giữa ông T với Công ty có ký nhiều hợp đồng lao động, hợp đồng lao động được ký gần nhất là hợp đồng lao động không xác định thời hạn ngày 01/4/2022. Công việc chính của ông T là lái xe đưa đón nhân viên của Công ty. Mức lương tham gia bảo hiểm xã hội của ông T là 5.200.000 đồng/tháng. Sau thời gian làm việc, tiền lương chính theo thỏa thuận của ông T với Công ty là 11.000.000 đồng/tháng. Thời gian gần đây, tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của ông T là 5.500.000 đồng/tháng; tiền lương thực nhận của ông T là 14.000.000 đồng/tháng (bao gồm lương theo thỏa thuận là 11.000.000 đồng và phụ cấp trách nhiệm là 3.000.000 đồng).

Ngày 11/10/2024, trong quá trình điều khiển xe đưa đón nhân viên, ông T bị Cảnh sát giao thông lập biên bản vi phạm hành chính. Ngày 14/10/2024, Phòng Cảnh sát giao thông ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ông T số tiền 5.300.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng. Ngày 14/10/2024, ông T đã nộp số tiền phạt vi phạm hành chính. Ngày 12/10/2024, Công ty L biên bản xử lý kỷ luật lao động đối với ông Nguyễn Duy T; tham gia buổi làm việc có: Trưởng phòng Hành chính nhân sự, Trưởng bộ phận, Tổ trưởng và ông Nguyễn Duy T. Công ty thanh toán cho ông T tiền lương trong những ngày làm việc của tháng 10 năm 2024, tiền phép năm chưa nghỉ, tiền sửa chữa xe do ông T ứng trước là 10.435.384 đồng và buộc ông T phải đóng cho Công ty số tiền phạt vi phạm hành chính và chi phí lấy xe ra là 12.440.000 đồng. Sau khi cân trừ, ông T còn phải đóng cho Công ty số tiền 2.253.000 đồng và ông T đã đóng xong. Ông T không đồng ý với quyết định chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty nên đã làm đơn khiếu nại đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố B, nhưng hai bên không thống nhất được phương án giải quyết. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải trả cho ông T số tiền 137.600.844 đồng, bao gồm: tiền vi phạm thời gian báo trước (45 ngày) là 1,5 tháng lương x 14.000.000 đồng/tháng = 21.000.000 đồng; ít nhất 02 tháng lương x 14.000.000 đồng/tháng = 28.000.000 đồng; tiền lương những ngày ông T không được làm việc tạm tính từ ngày 13/10/2024 đến ngày 12/3/2025 là 05 tháng x 14.000.000 đồng/tháng = 70.000.000 đồng; tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp những ngày không được làm việc tạm tính từ ngày 13/10/2024 đến ngày 12/3/2025 là 05 tháng x 5.500.000 đồng/tháng x 21,5% = 5.912.500 đồng; tiền lương những ngày làm việc tháng 10 năm 2024, tiền phép năm chưa nghỉ, tiền ứng trước sửa xe là 10.435.384 đồng; trả lại số tiền 2.253.000 đồng ông T đã đóng cho Công ty. Buộc Công ty nhận ông T trở lại làm việc, trường hợp Công ty không muốn nhận ông T thì phải bồi thường ít nhất 02 tháng tiền lương là 28.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty trả tiền vi phạm thời gian báo trước, tiền lương ít nhất là 02 tháng, tiền những ngày không được làm việc, tiền

phép năm chưa nghỉ, tiền ứng trước sửa xe, trả lại ông T số tiền đã đóng cho Công ty; thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông T theo quy định; rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty nhận ông T quay trở lại làm việc.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty) trình bày:*

Ông Nguyễn Duy T là lái xe đưa rước nhân viên của Công ty. Ngày 11/10/2024, trong lúc điều khiển xe 29 chỗ ngồi, biển số 61B-014.02 trả nhân viên của Công ty tại Trạm ngã tư T, Đại lộ B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì ông T bị Cảnh sát giao thông lập biên bản vi phạm hành chính với lỗi lấn làn, dừng xe không đúng nơi quy định và không có giấy phép lái xe. Sau đó, Phòng C Công an tỉnh B tạm giữ xe từ ngày 11/10/2024 đến ngày 18/10/2024. Sau đó, Công ty đã tiến hành làm việc với ông T, được biết ngày 11/9/2024 ông T điều khiển xe 29 chỗ, biển số 61B-014.02 đưa rước nhân viên chạy quá tốc độ quy định, bị Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ giấy phép lái xe. Phiếu hẹn đến ngày 19/9/2024, nhưng ông T không đi đóng phạt dẫn đến khi vi phạm lần tiếp theo, ông T không cung cấp được giấy phép lái xe. Khi sự việc xảy ra, ông T không thông báo cho Công ty biết, cố tình gian dối, không khai báo việc ông T bị tạm giữ bằng lái nên Công ty không biết được sự việc. Sau đó, Công ty đã tạm ứng số tiền 12.440.000 đồng để đóng phạt vi phạm hành chính và chi phí lấy xe ra. Ông T bị tước giấy phép lái xe hạng D đến hết ngày 15/12/2024. Trong thời gian này, Công ty phải thuê lái xe khác với số tiền 14.000.000 đồng/tháng để đưa rước cán bộ nhân viên từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Công ty. Ngày 29/10/2024, Phòng Hành chính nhân sự của Công ty làm việc, yêu cầu ông T bồi thường tiền phạt vi phạm hành chính là 12.440.000 đồng do vi phạm luật giao thông đường bộ và trao đổi về phương án sắp xếp vị trí công việc khác như sau:

Phương án 1: Công ty sẽ sắp xếp công việc ở một vị trí công việc khác, số tiền phạt vi phạm do ông T sai luật, ông T sẽ đóng theo quy định. Số tiền lương còn lại sau khi trừ các khoản, Công ty trả lại cho ông T.

Phương án 2: Trường hợp ông T không muốn làm công việc mới, Công ty sẽ hỗ trợ phần tiền đóng phạt 12.440.000 đồng cho ông T, thanh toán số tiền lương còn lại của tháng 10 năm 2024 và giải quyết tất cả các chế độ theo quy định của luật lao động cho ông T.

Nhưng ông T không đồng ý với các phương án mà Công ty đưa ra và yêu cầu Công ty làm thông báo có ký đóng dấu cam kết nhận lại làm việc sau khi ông T được trả lại giấy phép lái xe với công việc cũ. Đối với các công việc khác, không phù hợp với chuyên môn nên ông T không nhận. Hiện tại, tiền lương tháng 10 năm 2024 của ông T đang được Công ty giữ lại chưa thanh toán là 5.384.615 đồng; tiền sửa chữa xe ông T ứng của Công ty ngày 05/10/2024 và ngày 08/10/2024 là 820.000 đồng. Tổng số tiền Công ty chưa thanh toán cho ông T là 5.384.615 đồng - 820.000 đồng = 4.564.615 đồng. Công ty nhận thấy, việc ông T tự ý nghỉ việc từ ngày 14/10/2024 không xin phép là vi phạm khoản 4 Điều 125 của Bộ luật Lao động: “*Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng*” nên Công ty có quyền sa thải ông T. Trong quá trình làm việc, ông T thiếu trách

nhiệm, không trung thực, cố tình che giấu không khai báo đúng sự thật về việc chưa đóng phạt, lái xe không bằng lái, vi phạm nội quy Công ty và vi phạm luật giao thông. Do đó, việc ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty phải trả cho ông T số tiền 137.600.844 đồng thì Công ty không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu ông T đã rút và không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông T.

Tại Bản án số 16/2025/LĐ-ST ngày 27-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã căn cứ Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 23 và Điều 34 của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89 của Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn S nhận lại ông Nguyễn Duy T vào làm việc, trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn S không muốn nhận thì buộc Công ty phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy T ít nhất 02 tháng tiền lương.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn S:

2.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S trả cho ông Nguyễn Duy T số tiền lương còn lại của tháng 10/2024 là 4.564.615 đồng.

Kể từ ngày bản án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S cùng với ông Nguyễn Duy T có trách nhiệm liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định từ tháng 5/2019 đến hết tháng 10/2024 (mức tiền đóng bảo hiểm xã hội tháng 10/2024 là 5.500.000 đồng) và giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Duy T.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S về việc yêu cầu trả tiền vi phạm thời gian báo trước, tiền lương ít nhất là 02 tháng, tiền lương những ngày không được làm việc, tiền phép năm chưa nghỉ, tiền ứng trước sửa xe, trả lại cho ông Nguyễn Duy T số tiền đã đóng vào Công ty.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 03/4/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Duy T làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (bút lục 102).

Ngày 25/4/2025, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-LĐ đối với Bản án lao động số 16/2025/LĐ-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T (bút lục 110-112).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình và cung cấp ảnh chụp quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động ngày 18/10/2024 của Công ty đối với ông T vì tự ý bỏ việc 05 ngày liên tiếp trong tháng không có lý do. Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và cung cấp Vi bằng số 231/2025/VB-TPL ngày 04/9/2025, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Hai bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm và phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông T, nhưng không thực hiện nghĩa vụ thông báo trước là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên ông T khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường các khoản cho ông T theo quy định của pháp luật là có cơ sở. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn ông T và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án lao động về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-LĐ ngày 25/4/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T (gọi tắt là ông T) được thực hiện trong thời hạn luật định và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn án phí nên hợp lệ.

[3] Về thủ tục, nhận thấy: tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty nhận ông T quay trở lại làm việc, trường hợp Công ty không muốn nhận ông T thì phải bồi thường cho ông T ít nhất 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động nên Tòa án cấp sơ thẩm

đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung, nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Công ty với ông T đều thống nhất thừa nhận hai bên có ký kết Hợp đồng lao động số SNK2501/04/2022 ngày 01/4/2022, loại hợp đồng không xác định thời hạn với chức danh chuyên môn là tài xế, mức lương chính tham gia bảo hiểm xã hội là 5.200.000 đồng và các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật (bút lục 03-04) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nhận thấy: quá trình làm việc tại Công ty, ông T được Công ty phân công làm tài xế lái xe 29 chỗ ngồi đưa rước nhân viên, xe biển số 61B-014.02. Lúc 17 giờ 20 phút ngày 11/10/2024, trong lúc điều khiển xe biển số 61B-014.02, ông T bị Cảnh sát giao thông lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ với lỗi “*điều khiển xe đi không đúng làn đường quy định, không giấy phép lái xe*” và bị tạm giữ xe từ ngày 11/10/2024 đến ngày 18/10/2024 (bút lục 59). Ngày 14/10/2024, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.893.308.025-981-24-011935/QĐ-XPHC xử phạt hành chính đối với ông T số tiền 5.300.000 đồng, hình thức xử phạt bổ sung (nếu có): “*Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 02 tháng Hạng D, số 790974001056, có giá trị đến ngày 01/3/2028, Nơi cấp Sở giao thông vận tải Thành phố H từ ngày 14/10/2024 đến ngày 14/12/2024*” (bút lục 57-58). Ông T cho rằng: ngày 12/10/2024, Công ty lập biên bản xử lý kỷ luật lao động đối với ông T, Công ty đã thanh toán cho ông T tiền lương trong những ngày làm việc của tháng 10 năm 2024, tiền phép năm chưa nghỉ, tiền sửa chữa xe do ông Tân ứng trước với số tiền 10.435.384 đồng và buộc ông T phải đóng cho Công ty số tiền phạt vi phạm hành chính và chi phí lấy xe ra là 12.440.000 đồng; sau khi cản trừ, ông T phải đóng cho Công ty số tiền 2.253.000 đồng và ông T đã thực hiện xong (Biên bản xác nhận ngày 18/11/2024 – bút lục 06); nhưng sau đó Công ty cho ông T nghỉ việc từ ngày 13/10/2024 cho đến nay. Vì vậy, ông T cho rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông T nên khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán và bồi thường các khoản với tổng số tiền 137.600.844 đồng; tuy nhiên, ông T không cung cấp Biên bản họp xử lý kỷ luật lao động ngày 12/10/2024 để chứng minh. Theo Quyết định số 635/2024/QĐ-SNK ngày 18/10/2024 của Công ty về việc chấm dứt chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là do “*ông Nguyễn Duy T tự ý bỏ việc 05 ngày liên tiếp trong tháng không có lý do*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty cho rằng: do từ ngày 13/10/2024 cho đến nay, ông T không đến Công ty làm việc nên Công ty ban hành quyết định trên để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông T và bàn giao cho ông T vào ngày 11/8/2025 (tức sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án).

[6] Xét thấy, công việc của ông T là tài xế lái xe. Ngày 11/9/2024, ông T điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định, bị Cảnh sát giao thông lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ giấy phép lái xe theo Phiếu hẹn đến ngày 19/9/2024, nhưng ông T không thông báo cho Công ty biết mà vẫn tiếp tục điều khiển xe trong thời gian bị tạm giữ giấy phép. Đến ngày 11/10/2024, ông T tiếp tục bị Cảnh sát giao thông lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực giao thông đường bộ với lỗi “*điều khiển xe đi không đúng làn đường quy định, không giấy phép lái xe*” và tạm giữ xe nên ngày 12/10/2024, Công ty mời ông T lên làm việc để trao đổi về vấn đề này, nhưng không

có lập biên bản làm việc; ông T cho rằng Công ty có lập biên bản xử lý kỷ luật lao động đối với ông T và cho ông T nghỉ việc, nhưng ông T không cung cấp để chứng minh. Ngày 13/10/2024 là ngày chủ nhật. Từ ngày 14/10/2024 đến nay, ông T không đến Công ty làm việc là tự ý nghỉ việc không xin phép, vi phạm khoản 4 Điều 125 của Bộ luật Lao động năm 2019, cụ thể: “*Người lao động tự ý bỏ việc 05 ngày cộng dồn trong thời hạn 30 ngày hoặc 20 ngày cộng dồn trong thời hạn 365 ngày tính từ ngày đầu tiên tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng*”. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2025 của Tòa án cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty xác định: cho đến nay, Công ty vẫn chưa ban hành quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải đối với ông T nên Công ty không có quyết định xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải ông T để cung cấp cho Tòa án.

[7] Theo như đã nêu tại mục [4] thì công việc chuyên môn của ông T là tài xế, được phân công lái xe 29 chỗ ngồi để đưa rước nhân viên, nhưng ông T đã bị tước quyền sử dụng giấy phép lái xe 02 tháng, từ ngày 14/10/2024 đến ngày 14/12/2024. Tại Biên bản làm việc về việc gặp gỡ, đối thoại và hòa giải tranh chấp lao động ngày 07/11/2024, ông T “*yêu cầu Công ty C1 ông trở lại làm ở vị trí cũ sau khi nhận lại bằng lái xe. Nếu Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với ông thì Công ty thanh toán 04 tháng lương, đồng thời hoàn trả lại phần tiền ông đã đóng phạt (12.440.000 đồng) và thanh toán phần tiền lương đã làm việc 10 ngày tháng 10/2024 cho ông*”. Nhưng “*Công ty không đồng ý với yêu cầu ông T đưa ra. Công ty sẽ bố trí công việc khác cho ông T vì vị trí làm việc của ông T đã có người khác làm*” (bút lục 13-14). Cho thấy, Công ty xác định “*sẽ bố trí công việc khác cho ông T*” (theo xác nhận của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm là lái xe tải) chứ Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T; việc Công ty không bố trí cho ông T tiếp tục làm việc ở vị trí cũ là do trong thời gian ông T bị tước giấy phép lái xe, để đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty, Công ty phải bố trí người khác thay thế vị trí ông T, đây là lỗi của ông T chứ không phải lỗi Công ty. Ngoài ra, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.893.308.025-981-24-011935/QĐ-XPHC ngày 14/10/2024 của Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh B thì ông T bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 02 tháng Hạng D từ ngày 14/10/2024 đến ngày 14/12/2024. Nhưng sau khi nhận được giấy phép lái xe (ngày 15/12/2024), ông T vẫn không đến Công ty làm việc theo hợp đồng đã ký mà tiến hành nộp đơn khởi kiện Công ty vào ngày 14/01/2025 (bút lục 01-02). Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T cũng xác định Công ty có yêu cầu ông T quay trở lại làm việc nhưng do ông T đã làm đơn thưa Công ty nên ông T không quay trở lại làm việc. Do đó, việc ông T khởi kiện và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông T, buộc Công ty phải trả cho ông T “*tiền vi phạm thời gian báo trước, tiền lương ít nhất là 02 tháng, tiền cho những ngày không được làm việc...*” là không có căn cứ chấp nhận. Bản án số 16/2025/LĐ-ST ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T có căn cứ, đúng quy định.

[8] Đối với tiền lương những ngày làm việc trong tháng 10 năm 2024 của ông T là 4.564.615 đồng, bị đơn Công ty đồng ý thanh toán cho ông T số tiền này, ông T không kháng cáo nên đã phát sinh hiệu lực. Riêng về phần bảo hiểm xã hội, tại Văn bản số 172/CV-BHXXH ngày 24/3/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố B xác định Công ty và ông T đã tham gia bảo hiểm từ tháng 5 năm 2019 đến tháng 9 năm 2024

(bút lục 75). Tuy nhiên, mục 2.2 quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S cùng với ông Nguyễn Duy T có trách nhiệm liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định từ tháng 5/2019 đến hết tháng 10/2024 (mức tiền đóng bảo hiểm xã hội tháng 10/2024 là 5.500.000 đồng) và giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Duy T*” là không phù hợp nên cần chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này.

[9] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; chấp nhận một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để sửa một phần bản án sơ thẩm theo như phân tích tại mục [8].

[10] Án phí lao động phúc thẩm: ông Nguyễn Duy T được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-LĐ ngày 25/4/2025 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần Bản án số 16/2025/LĐ-ST ngày 27-3-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

Căn cứ Điều 14, Điều 18, Điều 20, Điều 21, Điều 23, khoản 9 Điều 34, điểm a khoản 2 Điều của Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 21, Điều 85, Điều 86, Điều 89 của Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn S về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn S nhận ông Nguyễn Duy T quay trở lại vào làm việc, trường hợp Công ty không muốn nhận thì buộc Công ty phải bồi thường cho ông Nguyễn Duy T ít nhất 02 tháng tiền lương.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S về các yêu cầu sau:

1.2.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S trả cho ông Nguyễn Duy T tiền lương những ngày làm việc trong tháng 10 năm 2024 là 4.564.615 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.2.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn S cùng với ông Nguyễn Duy T có trách nhiệm liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tháng 10 năm 2024 cho ông Nguyễn Duy T theo mức lương 5.500.000 đồng/tháng và giao trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông Nguyễn Duy T theo quy định.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S được quyền trích từ khoản tiền 4.564.615 đồng trả cho ông Nguyễn Duy T để thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm của người lao động theo quy định.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn S về việc yêu cầu Công ty phải trả tiền vi phạm thời gian báo trước, tiền lương ít nhất là 02 tháng, tiền lương những ngày không được làm việc, tiền phép năm chưa nghỉ, tiền ứng trước sửa xe và trả lại cho ông Nguyễn Duy T số tiền đã đóng vào Công ty.

1.4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Nguyễn Duy T được miễn theo quy định của pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn S phải chịu số tiền 300.000 đồng.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Nguyễn Duy T được miễn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố HCM;
- TAND Khu vực 18 – Thành phố HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18;
- Các đương sự (04);
- Lưu: VT(2), hồ sơ, Tòa DS (03), (56).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Cường